Phụ lục II:

ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG

Lĩnh vực: Chăn nuôi - Thú y

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNN-KN ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI GÀ THƯƠNG PHẨM

I - Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, vật tư					
1.1	***Giống***	Con		Gà 01 ngày tuổi, giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1.2	***Thức ăn, thuốc thú y (tính cho 1 con)***				
1	*Thức ăn hỗn hợp cho gà hướng thịt lông màu nhập nội*				
	Giai đoạn 1- 21 ngày tuổi	Kg	0,8	Tỷ lệ protein thô 20 - 21%	
	Giai đoạn 22 ngày tuổi - xuất chuồng	Kg	5,2	Tỷ lệ protein thô 17 - 18%	
2	*Thức ăn hỗn hợp cho gà nội*				
	Giai đoạn 1- 21 ngày tuổi	Kg	0,5	Tỷ lệ protein thô 20 - 21%	
	Giai đoạn 22 ngày tuổi - xuất chuồng	Kg	4,4	Tỷ lệ protein thô 17 - 18%	
3	*Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu lai*				
	Giai đoạn 1- 21 ngày tuổi	Kg	0,7	Tỷ lệ protein thô 20 - 21%	
	Giai đoạn 22 ngày tuổi - xuất chuồng	Kg	4,0	Tỷ lệ protein thô 17 - 18%	
4	*Vắc -xin*	Liều	07	(2) Gum; (2) ND - IB; (1) New; (1) đậu, (1) cúm GC	
5	*Hoá chất sát trùng*	Lít	0,5	Đã quy đổi ra dung dịch pha loãng theo quy định	
2- Chi triển khai					
2.1	***Tập huấn kỹ thuật***				
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	***Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật***	Con /người	2.000-3.000		
2.3	***Thời gian triển khai***	Tháng	05		
2.4	***Tổng kết***	Lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

2. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI GÀ SINH SẢN

I - Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, vật tư					
1.1	***Giống***	Con		Gà 01 ngày tuổi, giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1.2	***Thức ăn, thuốc thú y (tính cho 1 con)***				
1	*Thức ăn hỗn hợp cho gà hướng thịt lông màu nhập nội*				
	Giai đoạn 1 - 56 ngày tuổi	Kg	2,8	Tỷ lệ protein thô 20 - 21%	
	Giai đoạn 57 - 140 ngày	Kg	9,5	Tỷ lệ protein thô 15 - 17%	
2	*Thức ăn hỗn hợp cho gà nội*				
	Giai đoạn 1 - 56 ngày tuổi	Kg	2,3	Tỷ lệ protein thô 20 - 21%	
	Giai đoạn 57 - 120 ngày	Kg	8,5	Tỷ lệ protein thô 15 - 17%	
3	*Thức ăn hỗn hợp cho gà hướng trứng*				
	Giai đoạn 1 - 56 ngày tuổi:	Kg	1,8	Tỷ lệ protein thô 20 - 21%	
	Giai đoạn 57 - 120 ngày:	Kg	5,7	Tỷ lệ protein thô 15 - 17%	
4	*Vắc -xin*	Liều	14	(3) Gum, (1) Đậu, (2) IB, (4) New, (2) ILT, (2) Cúm GC	
5	*Hoá chất sát trùng*	Lít	2,5	Đã quy đổi ra dung dịch pha loãng theo quy định	
2- Chi triển khai					
2.1	***Tập huấn kỹ thuật***				
	Số lần	Lần	02		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	***Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật***	Con /người	1.000-1.500		
2.3	***Thời gian triển khai***	Tháng	18		
2.4	***Sơ kết, tổng kết***				
	Sơ kết	Lần	01		
	Tổng kết	Lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

3. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI GÀ BẢN ĐỊA THƯƠNG PHẨM

I - Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, vật tư					
1.1	***Giống***	Con		Gà 01 ngày tuổi, giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1.2	***Thức ăn, thuốc thú y (tính cho 1 con)***				
1	*Thức ăn hỗn hợp*				
	Giai đoạn 1- 21 ngày tuổi	Kg	0,5	Tỷ lệ protein thô 20 - 21%	
	Giai đoạn 22 ngày tuổi - xuất chuồng	Kg	4,4	Tỷ lệ protein thô 17 - 18%	
2	*Vắc -xin*	Liều	07	(2) Gum; (2) ND - IB; (1) New; (1) đậu, (1) cúm GC	
3	*Hoá chất sát trùng*	Lít	0,5	Đã quy đổi ra dung dịch pha loãng theo quy định	
2- Chi triển khai					
2.1	***Tập huấn kỹ thuật***				
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	***Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật***	Con /người	1.500-2.000		
2.3	***Thời gian triển khai***	Tháng	05		
2.4	***Tổng kết***	Lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

4. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI GÀ BẢN ĐỊA SINH SẢN

I - Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, vật tư					
1.1	***Giống***	Con		Gà 01 ngày tuổi, giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1.2	***Thức ăn, thuốc thú y (tính cho 1 con)***				
1	*Thức ăn hỗn hợp cho gà hướng thịt lông màu nhập nội*				
	Giai đoạn 1 - 56 ngày tuổi	Kg	2,3	Tỷ lệ protein thô 20 - 21%	
	Giai đoạn 57 - 120 ngày	Kg	8,5	Tỷ lệ protein thô 15 - 17%	
2	*Vắc -xin*	Liều	14	(3) Gum, (1) Đậu, (2) IB, (4) New, (2) ILT, (2) Cúm GC	
3	*Hoá chất sát trùng*	Lít	2,5	Đã quy đổi ra dung dịch pha loãng theo quy định	
2- Chi triển khai					
2.1	***Tập huấn kỹ thuật***				
	Số lần	Lần	02		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	***Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật***	Con /người	1.000		
2.3	***Thời gian triển khai***	Tháng	18		
2.4	***Sơ kết, tổng kết***				
	Sơ kết	Lần	01		
	Tổng kết	Lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

II – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

5. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI GÀ THỊT THEO HƯỚNG HỮU CƠ

I - Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, vật tư					
1.1	***Giống***	Con		Gà 01 ngày tuổi, giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1.2	***Thức ăn, thuốc thú y (tính cho 1 con)***				
1	*Thức ăn hỗn hợp cho gà hướng thịt lông màu nhập nội*				
	Giai đoạn 1- 21 ngày tuổi	Kg	0,8	Tỷ lệ protein thô 20 - 21%	
	Giai đoạn 22 ngày tuổi - xuất chuồng	Kg	5,7	Tỷ lệ protein thô 17 - 18%	
2	*Thức ăn hỗn hợp cho gà nội*				
	Giai đoạn 1- 21 ngày tuổi	Kg	0,5	Tỷ lệ protein thô 20 - 21%	
	Giai đoạn 22 ngày tuổi - xuất chuồng	Kg	5,1	Tỷ lệ protein thô 17 - 18%	
3	*Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu lai*				
	Giai đoạn 1- 21 ngày tuổi	Kg	0,7	Tỷ lệ protein thô 20 - 21%	
	Giai đoạn 22 ngày tuổi - xuất chuồng	Kg	5,9	Tỷ lệ protein thô 17 - 18%	
4	*Vắc -xin*	Liều	08	(2) Gum; (2) ND - IB; (1) New; (1) đậu, (2) cúm GC	
5	*Hoá chất sát trùng*	Lít	0,5	Đã quy đổi ra dung dịch pha loãng theo quy định	
6	*Chế phẩm sinh học*	Kg	0,05	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng, lưu hành theo quy định của pháp luật	
2- Chi triển khai					
2.1	***Tập huấn kỹ thuật***				
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	***Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật***	Con /người	2.000-3.000		
2.3	***Thời gian triển khai***	Tháng	06		
2.4	***Tổng kết***	Lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

6. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI VỊT THƯƠNG PHẨM

I - Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, vật tư					
1.1	***Giống***	Con		Vịt 01 ngày tuổi, giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1.2	***Thức ăn, thuốc thú y (tính cho 1 con)***				
1	*Thức ăn hỗn hợp cho vịt hướng thịt*				
	Giai đoạn 1- 28 ngày tuổi	Kg	1,6	Tỷ lệ protein thô 20 - 21%	
	Giai đoạn 29 ngày - xuất chuồng	Kg	7,0	Tỷ lệ protein thô 17 - 18%	
2	*Thức ăn hỗn hợp cho vịt kiêm dụng*				
	Giai đoạn 1- 28 ngày tuổi	Kg	1,0	Tỷ lệ protein thô 20 - 21%	
	Giai đoạn 29 ngày - xuất chuồng	Kg	4,4	Tỷ lệ protein thô 17 - 18%	
3	*Thức ăn hỗn hợp cho vịt biển*				
	Giai đoạn 1- 28 ngày tuổi	Kg	1,2	Tỷ lệ protein thô 20 - 21%	
	Giai đoạn 29 ngày - xuất chuồng	Kg	5,8	Tỷ lệ protein thô 17 - 18%	
4	*Vắc -xin*	Liều	04	(2) Dịch tả; (1) viêm gan (1) cúm GC	
5	*Hoá chất sát trùng*	Lít	0,5	Đã quy đổi ra dung dịch pha loãng theo quy định	
2- Chi triển khai					
2.1	***Tập huấn kỹ thuật***				
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	***Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật***	Con /người	2.000-3.000		
2.3	***Thời gian triển khai***	Tháng	05		
2.4	***Tổng kết***	Lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

7. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI VỊT SINH SẢN

I - Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, vật tư					
1.1	***Giống***	Con		Vịt 01 ngày tuổi, giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1.2	***Thức ăn, thuốc thú y (tính cho 1 con)***				
1	*Thức ăn hỗn hợp cho vịt hướng thịt*				
	Giai đoạn 0-8 tuần tuổi	Kg	5,0	Tỷ lệ protein thô 19- 21%	
	Giai đoạn 9-22 tuần tuổi	Kg	25,0	Tỷ lệ protein thô 14- 15%	
2	*Thức ăn hỗn hợp cho vịt hướng trứng*				
	Giai đoạn 0-8 tuần tuổi	Kg	2,8	Tỷ lệ protein thô 20 - 22%	
	Giai đoạn 9-24 tuần tuổi	Kg	9,5	Tỷ lệ protein thô15- 16%	
3	*Thức ăn hỗn hợp cho vịt kiêm dụng*				
	Giai đoạn 0-8 tuần tuổi	Kg	3,5	Tỷ lệ protein thô 18- 20%	
	Giai đoạn 9-18 tuần tuổi	Kg	16,0	Tỷ lệ protein thô13- 14%	
4	*Vắc -xin*	Liều	11	(3) Viêm gan vịt, (3) Dịch tả vịt, (3) Cúm GC , (2) Tụ huyết trùng	
5	*Hoá chất sát trùng*	Lít	2,5	Đã quy đổi ra dung dịch pha loãng theo quy định	
2- Chi triển khai					
2.1	***Tập huấn kỹ thuật***				
	Số lần	Lần	02		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	***Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật***	Con /người	1.000-1.500		
2.3	***Thời gian triển khai***	Tháng	18		
2.4	***Sơ kết, tổng kết***				
	Sơ kết	Lần	01		
	Tổng kết	Lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III - Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

8. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI NGAN THƯƠNG PHẨM

I - Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, vật tư					
1.1	***Giống***	Con		Ngan 01 ngày tuổi, giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1.2	***Thức ăn, thuốc thú y (tính cho 1 con)***				
1	*Thức ăn hỗn hợp cho ngan*				
	Giai đoạn 1- 28 ngày tuổi	Kg	1,4	Tỷ lệ protein thô 20 - 22%	
	Giai đoạn 29 ngày - xuất chuồng	Kg	8,0	Tỷ lệ protein thô 17 - 18%	
2	*Vắc -xin*	Liều	04	(2) Dịch tả; (1) viêm gan (1) cúm GC	
3	*Hoá chất sát trùng*	Lít	0,5	Đã quy đổi ra dung dịch pha loãng theo quy định	
2- Chi triển khai					
2.1	***Tập huấn kỹ thuật***				
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	***Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật***	Con /người	2.000-3.000		
2.3	***Thời gian triển khai***	Tháng	05		
2.4	***Tổng kết***	Lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

9. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI NGAN SINH SẢN

I - Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, vật tư					
1.1	***Giống***	Con		Ngan 01 ngày tuổi, giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1.2	***Thức ăn, thuốc thú y (tính cho 1 con)***				
1	*Thức ăn hỗn hợp cho ngan ngoại*				
	Giai đoạn 0-8 tuần tuổi	Kg	4,70	Tỷ lệ protein thô 18-20%	
	Giai đoạn 9-25 tuần tuổi	Kg	19,50	Tỷ lệ protein thô 15- 16%	
2	*Thức ăn hỗn hợp cho ngan nội*				
	Giai đoạn 0-8 tuần tuổi	Kg	3,60	Tỷ lệ protein thô 18- 20%	
	Giai đoạn 9- 28 tuần tuổi	Kg	16,0	Tỷ lệ protein thô 14- 15%	
3	*Vắc -xin*	Liều	11	(3) Viêm gan vịt, (3) Dịch tả vịt, (3) Cúm GC , (2) Tụ huyết trùng	
4	*Hoá chất sát trùng*	Lít	2,5	Đã quy đổi ra dung dịch pha loãng theo quy định	
2- Chi triển khai					
2.1	***Tập huấn kỹ thuật***				
	Số lần	Lần	02		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	***Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật***	Con /người	1.500-2.000		
2.3	***Thời gian triển khai***	Tháng	18		
2.4	***Sơ kết, tổng kết***				
	Sơ kết	Lần	01		
	Tổng kết	Lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

10. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI CHIM BỒ CÂU

I - Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, vật tư hỗ trợ (tính cho một đôi)					
1	Giống bồ câu			Giống bồ câu ngoại và bồ câu lai từ 03 tháng tuổi	
2	Thức ăn hỗn hợp giai đoạn 3- 6 tháng tuổi	kg	10,8	Tỷ lệ protein thô 13-15%	
3	Vắc-xin	Liều	01	Newcastle	
4	Hoá chất sát trùng	Lít	02	Đã quy đổi ra dung dịch pha loãng theo quy định	
2- Chi triển khai					
2.1	***Tập huấn kỹ thuật***				
	- Số lần	Lần	01		
	- Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	***Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật***	đôi /người	500-1.000		
2.3	***Thời gian triển khai***	Tháng	06		
2.4	***Tổng kết***	Lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

11. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI CHIM CÚT SINH SẢN

I - Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, vật tư					
1.1	***Giống***	Con		Chim cút 01 ngày tuổi, giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1.2	***Thức ăn, thuốc thú y (tính cho 1 con)***				
1	*Thức ăn hỗn hợp*				
	Giai đoạn 1 - 43 ngày tuổi	Kg	0,7	Tỷ lệ protein thô 22 - 26%	
4	*Vắc -xin*	Liều	04	(4) New	
5	*Hoá chất sát trùng*	Lít	01	Đã quy đổi ra dung dịch pha loãng theo quy định	
2- Chi triển khai					
2.1	***Tập huấn kỹ thuật***				
	Số lần	Lần	02		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	***Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật***	Con /người	4.000-5.000		
2.3	***Thời gian triển khai***	Tháng	18		
2.4	***Sơ kết, tổng kết***				
	Sơ kết	Lần	01		
	Tổng kết	Lần	01		

II - Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III - Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

12. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI ĐÀ ĐIỂU THƯƠNG PHẨM

I - Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, vật tư					
1.1	***Giống***	Kg/con	≥ 3,0 kg	Đà điểu 01 tháng tuổi, giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1.2	***Thức ăn, thuốc thú y (tính cho 1 con)***				
1	*Thức ăn tinh hỗn hợp*				
	Giai đoạn 2-6 tháng tuổi	Kg	161	Tỷ lệ protein thô 17-19 %	
	Giai đoạn 7-12 tháng tuổi	Kg	265	Tỷ lệ protein thô 15-17 %	
2	*Vắc -xin*	Liều	04	(2) Newcastle, (2) Cúm GC (Liều vắc xin Newcastle dùng cho đà điểu = 4 lần, Cúm GC = 3 lần liều cho gà)	
3	*Hoá chất sát trùng*	Lít	20	Đã quy đổi ra dung dịch pha loãng theo quy định	
2- Chi triển khai					
2.1	***Tập huấn kỹ thuật***				
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	***Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật***	Con /người	30-50		
2.3	***Thời gian triển khai***	Tháng	12		
2.4	***Tổng kết***	Lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

13. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI ĐÀ ĐIỂU SINH SẢN

I - Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, vật tư					
1.1	***Giống***	Con	≥ 3,0 kg	Đà điểu 01 tháng tuổi, giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1.2	***Thức ăn, thuốc thú y (tính cho 1 con)***				
1	*Thức ăn tinh hỗn hợp*				
	Giai đoạn 2-6 tháng tuổi	Kg	146	Tỷ lệ protein thô 17-19 %	
	Giai đoạn 7-24 tháng tuổi	Kg	650	Tỷ lệ protein thô 13-15 %	
3	*Vắc -xin*	Liều	06	(3) New, (3) Cúm GC (Liều vắc xin Newcastle, Cúm GC = 3 lần liều cho gà)	
4	*Hoá chất sát trùng*	Lít	80	Đã quy đổi ra dung dịch pha loãng theo quy định	
2- Chi triển khai					
2.1	***Tập huấn kỹ thuật***				
	Số lần	Lần	02		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	***Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật***	Con /người	20		
2.3	***Thời gian triển khai***	Tháng	24		
2.4	***Sơ kết, tổng kết***				
	Sơ kết	Lần	01		
	Tổng kết	Lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

14. MÔ HÌNH ẤP NỞ TRỨNG GIA CẦM

I - Xây dựng mô hình

Áp dụng cho quy mô ≥ 1000 mái sinh sản/cơ sở/hộ/nhóm hộ

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Thiết bị, vật tư hỗ trợ (cho 1 cơ sở)					
1	Máy ấp trứng gia cầm	Chiếc	01	Phù hợp với quy mô	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
2	Máy nở	Chiếc	01	Công suất = 30% máy ấp	
3	Máy phát điện	Chiếc	01		
4	Máy phun thuốc sát trùng	Chiếc	01		
5	Hoá chất sát trùng	Lít/cơ sở	20	Đã quy đổi ra dung dịch pha loãng theo quy định	
2- Chi triển khai					
2.1	***Tập huấn kỹ thuật***				
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian/lần	Ngày	7-14		
2.2	***Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật***	Bộ máy ấp nở/người	01		
2.3	***Thời gian triển khai***	Tháng	9		
2.4	***Tổng kết***	Lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	05	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

15. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI LỢN THƯƠNG PHẨM

I- Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, vật tư (Định hỗ trợ tính trên 01 con)					
1	Giống ban đầu			Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
	Lợn ngoại	Kg	10		
	Lợn nội	Kg	5-7	Móng cái 7 kg, lợn nội khác 5 kg	
2	Thức ăn hỗn hợp				
	Lợn ngoại KLXC 100kg, TTTA/kgP 2,5kg, đầu vào 10 kg	Kg	225	Hàm lượng protein thô 16% - 18%	
	Lợn Móng Cái (KLXC 60kg, TTTA/kgP 3,5kg, đầu vào 7kg)	Kg	186	Hàm lượng protein thô 14% - 16%	
	Lợn bản địa khác (KLXC 40kg, TTTA/kgP 4,5kg, đầu vào 5kg)	Kg	158	Hàm lượng protein thô 14% - 16%	
3	Vắc xin: • Dịch tả (1) • LMLM, (1) • Tai Xanh (1), • Tụ Huyết trùng (1), • Phó Thương hàn (1), • Đóng Dấu lợn (1)	Liều	06	Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.	
4	Hóa chất sát trùng (đã pha loãng theo quy định)	Lít	20		
5	Thuốc tẩy ký sinh trùng	Liều	02		
2- Chi triển khai					

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	- Số lần	Lần	01		
	- Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Con/người	50 - 100		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	08		
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	- Sơ kết	Ngày/lần	01	Số lượng đại biểu tối tiểu 30 người tham dự /lần	
	- Tổng kết	Ngày/lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

16. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI LỢN ĐỰC SẢN XUẤT TINH GIỐNG

I. Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, vật tư (Mức hỗ trợ tính trên 01 con)					
1	Giống ban đầu: Lợn giống ngoại	Kg	100	Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
2	Thức ăn HH hỗ trợ 60 ngày (2,7 kg/con/ngày)	Kg	162	Tỷ lệ Protein thô từ 16 – 17%	
3	Vắc xin: • Dịch tả (2), • LMLM, (2) • Tai xanh (2) • Lepto, (2)	Liều	08	Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.	
4	Thuốc tẩy ký sinh trùng	Liều	02		
5	Hoá chất sát trùng (đã pha loãng theo quy định)	Lít	20		
6	Dụng cụ kiểm tra đánh giá (Kính hiển vi, máy đo pH)	Bộ/hộ	01	Thiết bị mới, có giấy kiểm định chất lượng	
7	Dụng cụ bảo tồn tinh dịch (Tủ bảo ôn, tủ sấy)	Bộ/hộ	01	Thiết bị mới, có giấy kiểm định chất lượng	
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	- Số lần	Lần	02		
	- Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Con/Người	10 - 20		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	12		
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	- Sơ kết	Ngày/lần	01	Số lượng đại biểu tối tiểu 30 người tham dự/lần	
	- Tổng kết	Ngày/lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

17. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI LỢN GIỐNG NỘI SINH SẢN

I- Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, vật tư (Mức hỗ trợ tính trên 01 con)					
Lợn Móng Cái					
1	Lợn hậu bị	Kg	18 - 22	Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
2	Thức ăn hỗn hợp				
	- Lợn hậu bị chờ phối (hỗ trợ 60 ngày)	Kg	108	Hàm lượng protein thô 13% - 15%	
	- Lợn nái có chửa (hỗ trợ 114 ngày)	Kg	262	Hàm lượng protein thô 13% - 15%	
	- Lợn nái nuôi con (hỗ trợ 45 ngày)	Kg	112	Hàm lượng protein thô 16% - 18%	
3	Vắc – xin: • Dịch tả (02); • LMLM (02); • Tai Xanh (02); • Tụ Huyết trùng (02); • Phó Thương hàn (02); • Đóng Dấu lợn (02)	Liều	12	Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.	
4	Hóa chất sát trùng (đã pha loãng theo quy định)	Lít	40		
5	Thuốc tẩy ký sinh trùng	Liều	02		
Lợn bản địa khác					
1	- Lợn hậu bị	Kg	14 -18		
2	Thức ăn hỗn hợp				

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	- Lợn hậu bị (hỗ trợ 60 ngày)	Kg	72	Hàm lượng protein thô 13% - 15%	
	- Lợn nái có chửa (hỗ trợ 114 ngày)	Kg	171	Hàm lượng protein thô 13% - 15%	
	- Lợn nái nuôi con (hỗ trợ 45 ngày)	Kg	90	Hàm lượng protein thô 16% - 18%	
3	Vắc – xin: • Dịch tả (02); • LMLM (02) ; • Tai Xanh (02); • Tụ Huyết trùng (02); • Phó Thương hàn (02); • Đóng Dấu lợn (02)	Liều	12	Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.	
4	Hóa chất sát trùng (đã pha loãng theo quy định)	Lít	20		
5	Thuốc tẩy ký sinh trùng	Liều	02		
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	- Số lần	Lần	02		
	- Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật.	Con/Người	40 - 50		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	18		
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	- Sơ kết	Ngày/lần	01	Số lượng đại biểu tối tiểu 30 người tham dự/lần	
	- Tổng kết	Ngày/lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

18. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI LỢN SINH SẢN GIỐNG NGOẠI

I- Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, vật tư (Mức hỗ trợ tính trên 01 con)					
1	Giống ban đầu	Kg	100	Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
2	Thức ăn hỗn hợp				
	Thức ăn giai đoạn chờ phối (45 ngày x 2.6 kg /con/ngày)	kg	117	Hàm lượng protein thô 15% - 17%	
	- Lợn nái có chửa (hỗ trợ 114 ngày x 2.5 kg /con/ngày)	Kg	285	Hàm lượng protein thô 15% - 17%	
	- Lợn nái nuôi con (hỗ trợ 25 ngày x 5.3)	Kg	132	Hàm lượng protein thô 18% - 20%	
3	Vắc – xin: • Dịch tả (02); • LMLM (02); • Tai Xanh (02); • Tụ Huyết trùng (02); • Phó Thương hàn (02); • Đóng Dấu lợn (02).	Liều	12	Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.	
4	Hóa chất sát trùng (đã pha loãng theo quy định)	Lít	40		
5	Thuốc tẩy ký sinh trùng	Liều	02		
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	- Số lần	Lần	02		
	- Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Con/Người	40 - 50		

2.3	Thời gian triển khai	Tháng	18		
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	- Sơ kết	Ngày/lần	01	Số lượng đại biểu tối tiểu 30 người tham dự/lần	
	- Tổng kết	Ngày/lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

19. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI LỢN THỊT THEO HƯỚNG HỮU CƠ

II- Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, thiết bị, vật tư (Định hỗ trợ tính trên 01 con)					
1	Giống ban đầu			Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
	Lợn ngoại	Kg	10		
	Lợn nội	Kg	5-7	Móng cái 7 kg, lợn nội khác 5 kg	
2	Thức ăn hỗn hợp				
	Lợn ngoại KLXC 100kg, TTTA/kgP 2,5kg, đầu vào 10 kg	Kg	225	Hàm lượng protein thô 16% - 18%	
	Lợn Móng Cái (KLXC 60kg, TTTA/kgP 3,5kg, đầu vào 7kg)	Kg	186	Hàm lượng protein thô 14% - 16%	
	Lợn bản địa khác (KLXC 40kg, TTTA/kgP 4,5kg, đầu vào 5kg)	Kg	158	Hàm lượng protein thô 14% - 16%	
3	Vắc xin: • Dịch tả (1) • LMLM, (1) • Tai Xanh (1), • Tụ Huyết trùng (1), • Phó Thương hàn (1), • Đóng Dấu lợn (1)	Liều	06	Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.	
4	Hóa chất sát trùng (đã pha loãng theo quy định)	Lít	20		
5	Thuốc tẩy ký sinh trùng	Liều	02		
6	Chế phẩm vi sinh			Chế phẩm được phép lưu hành tại	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
6.1	Chế phẩm bổ sung vào thức ăn	Tỷ lệ %	0.7	Việt Nam	
6.2	Chế phẩm bổ sung vào nước uống	lít	0.1		
6.3	Chế phẩm phun trong chuồng nuôi		0.1		
6.4	Chế phẩm bổ sung vào độn chuồng	Kg	0.1		
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	- Số lần	Lần	01		
	- Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Con/ Người	50 - 100		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	08		
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	- Sơ kết	Ngày/lần	01	Số lượng đại biểu tối tiểu 30 người tham dự /lần	
	- Tổng kết	Ngày/lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

20. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI BÒ SINH SẢN

I. Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, thiết bị, vật tư					
1.1	***Giống***			Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
	Bò cái giống	Kg/con	220		
	Bò đực giống	Kg/con	350		
1.2	***Thiết bị, vật tư***				
	TAHH cho bò cái chửa	Kg/con	540	Hàm lượng protein thô ≥ 14%	
	Tảng đá liếm	Kg/con	3		
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật - Bò cái - Bò đực	 Con / người	 10-20 2-5		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	18		
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	Sơ kết	Ngày/lần	01		
	Tổng kết	Ngày/lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	02	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

21. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI BÒ SỮA

I. Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, thiết bị, vật tư					
1.1	***Giống***			Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
	Tinh đông lạnh	Liều/con	04		
1.2	***Thiết bị, vật tư***				
	TAHH cho bò cái chửa	Kg/con	540	Hàm lượng protein thô ≥ 14%	
	Tảng đá liếm	Kg/con	3		
1.3	***Nguyên liệu ủ chua thức ăn xanh (1 tấn cỏ)***				
	Cám gạo, bột ngô hoặc bột sắn	Kg/tấn	30		
	Muối ăn	Kg/tấn	5		
	Ủ bằng bể ủ/hố ủ				
	Bạt giải bể ủ/hố ủ	m^2/tấn	8		
	Ủ bằng túi ủ				
	Túi nilon ủ: Rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1 mm	Túi/tấn	02		
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Con/ người	50		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	18		
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	Sơ kết	Ngày/lần	01		
	Tổng kết	Ngày/lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	02	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

22. MÔ HÌNH CẢI TẠO ĐÀN BÒ THỊT

I. Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, thiết bị, vật tư					
1.1	***Giống***			Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
	Bò đực giống	Kg/con	350		
1.2	***Thiết bị, vật tư***				
	TAHH cho bò cái chửa	Kg/con	540	Hàm lượng protein thô ≥ 14%	
	Tảng đá liếm	Kg/con	3		
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Con/ người	2-5		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	18		
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	Sơ kết	Ngày/lần	01		
	Tổng kết	Ngày/lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	02	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

23. MÔ HÌNH CẢI TẠO ĐÀN BÒ BẰNG THỤ TINH NHÂN TẠO

I. Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, thiết bị, vật tư					
1.1	***Giống***			Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1.2	***Thiết bị, vật tư***				
	Tinh đông lạnh	Liều/con	02		
	Ni tơ lỏng	Lít	02		
	Găng tay, ống gen	Bộ	02		
	TAHH cho bò cái có chửa	Kg/con	540	Hàm lượng protein thô ≥ 14%	
	Bình đựng Nitơ 35 lít	Cái/huyện	01		
	Bình Nitơ 3,5 -3,7 lít	Cái/huyện	02		
	Súng bắn tinh	Cái/huyện	02		
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Con/người	50-100		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	18		
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	Sơ kết	Ngày/lần	01		
	Tổng kết	Ngày/lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	02	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

24. MÔ HÌNH VỖ BÉO BÒ THỊT

I. Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, thiết bị, vật tư					
1.1	***Giống***			Đối tượng bò đưa vào vỗ béo theo QĐ 294/QĐ-CN-MTCN ngày 23/09/2020 hướng dẫn kỹ thuật vỗ béo bò trước khi giết thịt	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1.2	***Thiết bị, vật tư***				
	Thuốc tẩy ngoại KST	Liều/con	01		
	Thuốc tẩy nội KST	Liều/con	01		
	Thức ăn hỗn hợp, TMR	Kg/con	270	Hàm lượng protein thô ≥ 16%.	
1.3	***Mức hỗ MH vỗ béo bò thịt và xử lý môi trường bằng chế phẩm sinh học***				
	Nguyên liệu làm đệm lót	Kg/con	900	Từ phụ phẩm nông nghiệp: Rơm, trấu….	
	Chế phẩm vi sinh	Lít/con	0,75	Được phép lưu hành trên thị trường Việt Nam	
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Con/ người	50-100		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	06		
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	Sơ kết	Ngày/lần	01		
	Tổng kết	Ngày/lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	02	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

25. MÔ HÌNH CẢI TẠO ĐÀN TRÂU BẰNG THỤ TINH NHÂN TẠO

I. Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, thiết bị, vật tư					
1.1	***Giống***			Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1.2	***Thiết bị, vật tư***				
	Tinh đông lạnh	Liều/con	4		
	Ni tơ lỏng	Lít	4		
	Găng tay, ống gen	Bộ	4		
	TAHH cho trâu cái có chửa	Kg/con	660	Hàm lượng protein thô ≥ 14%	
	Bình đựng Nitơ 35 lít	Cái/huyện	01		
	Bình Nitơ 3,5 -3,7 lít	Cái/huyện	02		
	Súng bắn tinh	Cái/huyện	02		
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Con/người	30-50		
	Thời gian chỉ đạo mô hình	Tháng	12		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	18		
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	Sơ kết	Ngày/lần	01		
	Tổng kết	Ngày/lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	02	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

26. MÔ HÌNH VỖ BÉO TRÂU THỊT

I. Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, thiết bị, vật tư					
1.1	***Giống***			Đối tượng trâu đưa vào vỗ béo theo QĐ 295/QĐ-CN-MTCN ngày 23/09/2020 hướng dẫn kỹ thuật vỗ béo trâu	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1.2	***Thiết bị, vật tư***				
	Thuốc tẩy ngoại KST	Liều/con	01		
	Thuốc tẩy nội KST	Liều/con	01		
	Thức ăn hỗn hợp, TMR	Kg	270	Hàm lượng protein thô $\geq 16\,\%$	
1.3	***Mức hỗ MH vỗ béo trâu thịt và xử lý môi trường bằng chế phẩm sinh học***				
	Nguyên liệu làm đệm lót	Kg/con	900	Từ phụ phẩm nông nghiệp: Rơm, trấu….	
	Chế phẩm vi sinh	Lít/con	0,75	Được phép lưu hành trên thị trường Việt Nam	
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Con/ người	30-50		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	6		
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	Sơ kết	Ngày/lần	01		
	Tổng kết	Ngày/lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	02	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

27. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI TRÂU SINH SẢN

I. Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, thiết bị, vật tư					
1.1	***Giống***			Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
	Trâu cái giống	Kg/con	350		
	Trâu đực giống	Kg/con	420		
1.2	***Thiết bị, vật tư***				
	TAHH cho trâu cái	Kg/con	660	Hàm lượng protein thô $\geq$ 14 %	
	Tảng đá liếm	Kg/con	3		
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Con/ người	10-20		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	18		
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	Sơ kết	Ngày/lần	01		
	Tổng kết	Ngày/lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	02	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

28. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI DÊ, CỪU THƯƠNG PHẨM

I- Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, vật tư					
1.1	***Giống***			Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
	Dê	Kg	15	Giống đạt 9 tháng tuổi	
	Cừu	Kg	15	Giống đạt 6 tháng tuổi	
1.2	***Thức ăn***				
	TAHH cho dê, cừu	Kg	45	Hàm lượng protein thô 14% - 16%	
1.3	Vắc-xin: • Tụ huyết trùng (1), • Viêm ruột hoại tử (1), • LMLM (1), • Đậu (1)	Liều	4		
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Con/ người	40-50		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	04		
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	Sơ kết	Ngày/lần	01		
	Tổng kết	Ngày/lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

29. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI DÊ, CỪU SINH SẢN

I- Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, thiết bị, vật tư					
1.1	***Giống***			Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
	Dê cái giống ngoại	Kg/con	23-27	Giống đạt 9 tháng tuổi	
	Dê cái giống nội	Kg/con	13 - 17	Giống đạt 6 tháng tuổi	
	Dê cái lai	Kg/con	18 - 22	Giống đạt 9 tháng tuổi	
	Cừu cái	Kg/con	16 - 20	Giống đạt 9 tháng tuổi	
	Dê, cừu đực giống ngoại	Kg/con	30 - 34	Giống đạt 12 tháng tuổi	
	Dê, cừu đực giống lai	Kg/con	28 - 32	Giống đạt 12 tháng tuổi	
1.2	***Thiết bị, vật tư***				
	TAHH cho dê cái giống ngoại, con lai và cừu cái từ hậu bị đến đẻ	Kg	120	Hàm lượng protein thô 14% - 16%	
	TAHH cho dê cái giống bách thảo từ hậu bị đến đẻ	Kg	96		
	TAHH cho dê cái giống nội	kg	72		
	Vắc-xin: • Tụ huyết trùng (2), • Viêm ruột hoại tử (2), • LMLM (2), • Đậu (2)	Liều	8		
	Tảng đá liếm	Kg	02		
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Con/ người	30-40		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	12		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	Sơ kết	Ngày/lần	01		
	Tổng kết	Ngày/lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

30. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI DÊ SỮA THƯƠNG PHẨM

I. Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, thiết bị, vật tư					
1.1	***Giống***			Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
	Dê cái	Kg/con	18 - 22	Dê giống ở độ tuổi 9 tháng tuổi	
	Dê đực	Kg/con	35 - 40	Dê giống ở độ tuổi 12 tháng tuổi	
1.2	***Thiết bị, vật tư***				
	TAHH dê cái từ hậu bị đến đẻ lứa đầu	Kg	120	Hàm lượng protein thô 14% - 16%	
	Vắc-xin: • Tụ huyết trùng (2), • Viêm ruột hoại tử (2), • LMLM (2), • Đậu (2)	Liều	8		
	Bình đựng sữa thể tích 25 lít	Bình	01	Bình làm bằng chất liệu nhôm hoặc hợp kim, không bị ô xy hóa	
	Tảng đá liếm	Kg/con	03		
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Con/ người	30-40		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	12		
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	Sơ kết	Ngày/lần	01		
	Tổng kết	Ngày/lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

31. MÔ HÌNH NUÔI TẰM THƯƠNG PHẨM

I - Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, thiết bị, vật tư					
	Giống	Vòng trứng		Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1.1.	**Mô hình Nuôi tằm con tập trung (tính cho 1 cơ sở)**				
1	Trứng tằm	vòng/ha dâu	120		
2	Nong/khay nuôi tằm	cái	120		
3	Máy thái dâu	cái	1		
5	Đũi tằm	cái	10		
6	Lò sưởi điện	cái	1		
7	Quạt bay hơi tăng ẩm	cái	1		
8	Bạt phủ lá dâu	m2	20		
9	Thuốc sát trùng nhà, dụng cụ	lít	4		
10	Thuốc xử lý mình tằm	kg	6		
11	Vôi bột	kg	20		
1.2	**Mô hình Nuôi tằm lớn (tính cho 1 ha)**				
1	Tằm con	vòng/ha	120		
2	Lá dâu	Kg/vòng	200		
3	Né đôi	Né/Vòng	2	Né gỗ, KT: 1m x 1m	
4	Thuốc sát trùng nhà, dụng cụ	lít	4		
5	Thuốc xử lý mình tằm	kg	6		
6	Vôi bột	kg	20		
2- Chi triển khai					
2.1	***Tập huấn kỹ thuật***				
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian/lần	Ngày	01		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
2.2	***Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật***	ha/Người	2-5		
2.3	***Thời gian triển khai***	Tháng	6		
2.4	***Tổng kết***	Lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

32. MÔ HÌNH NUÔI ONG NGOẠI

I – Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, thiết bị, vật tư					
	Giống	Đàn		Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1	Ong giống	Đàn/điểm /cơ sở	100	Cầu/đàn ≥ 6	
2	Thùng kế	Thùng/điểm /cơ sở	100	Áp dụng đối với mô hình có thùng kế	
3	Đường	Kg/đàn	30		
5	Phấn hoa	Kg/đàn	0,3		
6	Tầng chân	Cái/đàn	10		
7	Máng cho ong ăn	Cái/đàn	01		
8	Thùng quay mật	Cái/hộ	01		
9	Bộ dụng cụ nhân đàn (kim di trùng, thùng nhân đàn, bình xịt khói, bảo hộ lao động)	Bộ/hộ	01		
2- Chi triển khai					
2.1	***Tập huấn kỹ thuật***				
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	***Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật***	Đàn/Người	100 - 150		
2.3	***Thời gian triển khai***	Tháng	12		
2.4	***Tổng kết***	Lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

33. MÔ HÌNH NUÔI ONG NỘI

I - Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, thiết bị, vật tư					
	Giống	Đàn		Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1	Ong giống	Đàn/điểm /cơ sở	50	Cầu/đàn ≥ 3	
2	Thùng kế	Thùng/điểm /cơ sở	50	Áp dụng đối với mô hình có thùng kế	
3	Đường	Kg/đàn	18		
5	Phấn hoa	Kg/đàn	0,2		
6	Tầng chân	Cái/đàn	4		
7	Máng cho ong ăn	Cái/đàn	01		
8	Thùng quay mật	Cái/hộ	01		
9	Bộ dụng cụ nhân đàn (kim di trùng, thùng nhân đàn, bình xịt khói, bảo hộ lao động)	Bộ/hộ	01		
2- Chi triển khai					
2.1	***Tập huấn kỹ thuật***				
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	***Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật***	Đàn/Người	100 - 150		
2.3	***Thời gian triển khai***	Tháng	12		
2.4	***Tổng kết***	Lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

34. MÔ HÌNH NUÔI THỎ THƯƠNG PHẨM

I - Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, vật tư (tính cho 1 con)					
	Giống	con		Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1	Thỏ giống	Kg/con	0,5	1 tháng tuổi	
2	TAHH cho thỏ: Hỗ thức ăn trong 90 ngày	Kg	13,5	Hàm lượng protein thô 16% - 18%	
3	Vắc xin phòng Bại huyết	Liều/con	01		
2- Chi triển khai					
2.1	***Tập huấn kỹ thuật***				
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	***Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật***	Con/Người	1000 - 1500		
2.3	***Thời gian triển khai***	Tháng	04		
2.4	***Tổng kết***	Lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

35. MÔ HÌNH NUÔI THỎ SINH SẢN

I - Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, vật tư (tính cho 1 con)					
	Giống	con		Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1	Thỏ giống	Kg/con	2,5-3	3 tháng tuổi	
2	TAHH cho thỏ: Hỗ trợ thức ăn trong 120 ngày,	Kg	27	hàm lượng protein thô 16% - 18%	
3	Vắc xin phòng Bại huyết	Liều/con	02		
2- Chi triển khai					
2.1	***Tập huấn kỹ thuật***				
	Số lần	Lần	02		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	***Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật***	Con/Người	500 - 800		
2.3	***Thời gian triển khai***	Tháng	12		
2.4	***Tổng kết***	Lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

36. MÔ HÌNH CHẾ BIẾN VÀ BẢO QUẢN THỨC ĂN THÔ, XANH

I. Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, thiết bị, vật tư					
1.1	***Kỹ thuật ủ rơm với urea trong túi nilon***				Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
	Rơm lúa	Tấn	01	Rơm khô	
	Túi nilon ủ: Rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1 mm	Kg/tấn	02		
	Urea	Kg/tấn	40		
	Rỉ mật	Kg/tấn	20		
	Muối	Kg/tấn	5		
1.2	***Kỹ thuật ủ chua thân bắp (ngô) trong túi nilon***				
	Thân bắp (ngô)	Tấn	01	Thân ngô	
	Túi nilon ủ: Rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1 mm	Kg/tấn	02		
	Men vi sinh	Kg/tấn	01		
	Rỉ mật	Kg/tấn	50		
	Muối	Kg/tấn	5		
1.3	***Hỗ trợ chế biến cỏ bằng phương pháp ủ chua***				
	Cỏ tươi	Tấn	01	Cỏ tươi	
	Cám gạo, bột ngô hoặc bột sắn	Kg/tấn	30		
	Muối	Kg/tấn	5		
	Ủ bằng bể ủ/hố ủ (nếu ủ bằng bể)				
	Bạt giải bể ủ/hố ủ	m^2/tấn cỏ tươi	8		
	Túi ủ (nếu ủ bằng túi)				
	Túi nilon ủ: Rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1 mm	Túi/tấn cỏ tươi	02		
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Tấn cỏ tươi/ Người	20-50		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	9		
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	Sơ kết	Ngày/lần	01		
	Tổng kết	Ngày/lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	02	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

37. MÔ HÌNH TRỒNG THÂM CANH VÀ Ủ CHUA CỎ LÀM THỨC ĂN CHO GIA SÚC

I. Hỗ trợ xây dựng mô hình trồng cỏ thâm canh

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, thiết bị, vật tư					
1.1	***Giống cỏ***			Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
	Trồng bằng hom	Tấn hom/ha	3,5		
	Trồng bằng hạt	Kg/ha	12,0		
1.2	***Thiết bị, vật tư***				
	Phân đạm nguyên chất (N)				
	- Cỏ thân đứng (VA06 và cỏ tương tự)	Kg/ha	250		
	- Cỏ thân bụi, thân bò (cỏ Mombasa và cỏ tương tự)	Kg/ha	200		
	Phân lân nguyên chất (P2O5)	Kg/ha	80		
	Phân kali nguyên chất (K2O)	Kg/ha	100		
	Phân hữu cơ vi sinh	Kg/ha	2.500		
1.3	***Hỗ trợ chế biến cỏ bằng phương pháp ủ chua (1 tấn cỏ)***				
	Cám gạo, bột ngô hoặc bột sắn	Kg/tấn	30		
	Muối ăn	Kg/tấn	5		
	Ủ bằng bể ủ/hố ủ (nếu ủ bằng bể)				
	- Bạt giải bể ủ/hố ủ	m^2/tấn cỏ tươi	8		
	Túi ủ (nếu ủ bằng túi)				
	- Túi nilon ủ: Rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1 mm	Túi/tấn cỏ tươi	02		
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	ha/ người	6-10		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	9		
2.4	Sơ kết, tổng kết				

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Sơ kết	Ngày/lần	01		
	Tổng kết	Ngày/lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	02	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

38. MÔ HÌNH XÂY DỰNG CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỐI VỚI CÁC BỆNH ĐĂNG KÝ AN TOÀN

38.1. MÔ HÌNH XÂY DỰNG CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỐI VỚI CÁC BỆNH ĐĂNG KÝ AN TOÀN TRÊN LỢN

I- Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, thiết bị, vật tư (Mức hỗ trợ tính trên 01 cơ sở)					
1	*Máy phun thuốc sát trùng*	Máy/cơ sở	01	Máy phun đảm bảo tối thiểu các tiêu chí sau: - Công suất động cơ theo: ISO 7293 2,6KW (3,5 mã lực). - Tốc độ không tải : 2.800 vòng/phút. - Máy vận hành cơ động, thuận lợi cho việc phun khử trùng chuồng trại và khu vực xung quanh	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
2	*Bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ lao động, ủng, găng tay, khẩu trang,...)*	Bộ/cơ sở	03		
3	Dụng cụ thú y *(Bơm tiêm tự động, panh kẹp, kéo)*	Bộ/ cơ sở	01		
4	Vắc xin phòng bệnh cho vật nuôi				- Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành - Chỉ hỗ trợ vắc xin đối với 2 bệnh đăng ký an toàn là Dịch tả lợn và LMLM, các bệnh khác do cơ sở tham gia đối ứng hoặc nguồn
4.1	+ Vắc xin phòng bệnh cho mô hình chăn nuôi lợn sinh sản: *Tụ huyết trùng (3), Đóng dấu Lợn (3),* ***Dịch tả (3)****, Phó thương hàn (2), Tai xanh (3);* ***LMLM (3)***	Liều/con/năm	06	Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.	
4.2	+ Vắc xin phòng bệnh cho mô hình chăn nuôi lợn thịt: *Tụ huyết trùng (2), Đóng dấu Lợn (2),* ***Dịch tả (2); LMLM (2)****, Phó thương hàn (2), Tai xanh (2)*	Liều/con	04		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
					khác
5	Hoá chất khử trùng *(Đã pha loãng theo quy định)*			Pha loãng theo hướng dẫn của nhà sản xuất	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
	Mô hình chăn nuôi lợn sinh sản	Lít/con	40	Sản phẩm được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam	
	Mô hình chăn nuôi lợn thịt	Lít/con	20		
6	Thuốc tẩy ký sinh trùng	Liều/con	02	Chỉ hỗ trợ đối với đối tượng nuôi là lợn nái sinh sản	
7	Tư vấn, xét nghiệm, thẩm định và công nhận cho 01 cơ sở an toàn dịch bệnh (Hỗ trợ 100% kinh phí từ ngân sách nhà nước)				NSNN hỗ trợ 01 lần, trường hợp cơ sở không đạt lần 1 thì phải thực hiện lại từ kinh phí của cơ sở
7.1	Vật tư, dụng cụ lấy mẫu phân tích	Lần	01	Số lượng vật tư thực hành lấy mẫu thực hiện theo quy mô số mẫu cần lấy được hướng dẫn tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT	
7.2	Chi phí Công tác lấy mẫu, gửi mẫu	Lần	01		Theo Quy định hiện hành
7.3	Chi phí xét nghiệm	Lần	01		
7.4	Chi phí thẩm định	Lần	01		
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	- Số lần	Lần	02		
	- Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Cơ sở/Người	3 -5		
2.3	Thời gian triển khai	tháng	12		
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	- Sơ kết	Ngày/lần	01	Số lượng đại biểu tối tiểu 30 người tham dự/ lần	
	- Tổng kết	Ngày/lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

38.2. MÔ HÌNH XÂY DỰNG CƠ SỞ CHĂN NUÔI AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỐI VỚI CÁC BỆNH ĐĂNG KÝ AN TOÀN TRÊN GIA CẦM

I- Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Giống, thiết bị, vật tư (Mức hỗ trợ tính trên 01 cơ sở)					
1	*Máy phun thuốc sát trùng*	Máy/cơ sở	01	Máy phun đảm bảo tối thiểu các tiêu chí sau: - Công suất động cơ theo: ISO 7293 2,6KW (3,5 mã lực). - Tốc độ không tải: 2.800 vòng / phút. - Máy vận hành cơ động, thuận lợi cho việc phun khử trùng chuồng trại và khu vực xung quanh	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
2	*Bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ lao động, ủng, găng tay, khẩu trang,...)*	Bộ/cơ sở	03		
3	Dụng cụ thú y *(Bơm tiêm tự động, panh kẹp, kéo)*	Bộ/ cơ sở	01		
4	Vắc xin phòng bệnh cho vật nuôi			Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.	- Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành - Chỉ hỗ trợ vắc xin đối với 2 bệnh đăng ký an toàn trên thủy cầm là Dịch tả vịt, cúm gia cầm; trên gà là New và cúm gia cầm, các bệnh khác do cơ sở tham gia đối ứng hoặc nguồn khác
4.1	Vắc xin cho thuỷ cầm nuôi thịt thưởng phẩm *(Viêm gan vịt (1),* ***Dịch tả (2), Cúm GC (2))***	Liều/con	04		
4.2	Vắc xin cho thuỷ cầm sinh sản *(Viêm gan vịt (2),* ***Dịch tả (4), Cúm GC (4)***	Liều/con	8		
4.3	Vắc xin cho gà thịt: G*um (2); Đậu (1);* ***New (3; cúm GC (2))****; IB (3)*	Liều/con	5		
4.4	Vắc xin cho gà sinh sản: G*um (3); Đậu (1); IB (4);* ***cúm GC (4); New (4).***	Liều/con	8		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
5	Hoá chất khử trùng *(Đã pha loãng theo quy định)*			Pha loãng theo hướng dẫn của nhà sản xuất	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
	Mô hình chăn nuôi gia cầm, thủy cầm sinh sản	Lít/con	02	Sản phẩm được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam	
	Mô hình chăn nuôi gia cầm thịt, thủy cầm thịt	Lít/con	01		
6	Tư vấn, xét nghiệm, thẩm định và công nhận cho 01 cơ sở an toàn dịch bệnh (Hỗ trợ 100% kinh phí từ ngân sách nhà nước)				NSNN hỗ trợ 01 lần, trường hợp cơ sở không đạt lần 1 thì phải thực hiện lại từ kinh phí của cơ sở
6.1	Vật tư, dụng cụ lấy mẫu phân tích	Lần	01	Số lượng vật tư thực hành lấy mẫu thực hiện theo quy mô số mẫu cần lấy được hướng dẫn tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT	
6.2	Chi phí Công tác lấy mẫu, gửi mẫu	Lần	01		Theo Quy định hiện hành
6.3	Chi phí xét nghiệm	Lần	01		
6.4	Chi phí thẩm định	Lần	01		
2- Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
	- Số lần	Lần	02		
	- Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Cơ sở/Người	3 -5		
2.3	Thời gian triển khai	tháng	12		
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	- Sơ kết	Ngày/lần	01	Số lượng đại biểu tối tiểu 30 người tham dự/lần	
	- Tổng kết	Ngày/lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

39. MÔ HÌNH XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG TRONG CHĂN NUÔI LỢN

I – Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu chất lượng/ tiêu chuẩn kỹ thuật	Ghi chú
1. Giống, thiết bị, vật tư hỗ trợ **(tính cho 01 hệ thống** xử lý chất thải bằng bể lắng, biogas và chế phẩm sinh học**)**					
1	Hỗ trợ vật tư xây dựng hệ thống bể lắng xử lý chất thải và bể đá xử lý nước thải	Con/m3	10	Áp dụng hệ thống cho chăn nuôi lợn với quy mô từ 50 – 1500 con. Vật liệu xây dựng đảm bảo theo quy chuẩn về xây dựng	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
2	Men, chế phẩm vi sinh xử lý môi trường và sản xuất phân vi sinh	Lít (kg/m2)	01	Được phép sản xuất và lưu hành tại Việt Nam	
3	Phân tích mẫu	Mẫu/bể	02	Thực hiện theo quy định hiện hành về phân tích đánh giá nước thải trước và sau xử lý	
2. Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật				
-	- Số lần	Lần	01		
-	- Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Hệ thống/Người	02		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	06		
2.4	Sơ kết, tổng kết				
	- Tổng kết	Ngày/lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

40. ĐỊNH MỨC CHỨNG NHẬN THỰC HÀNH CHĂN NUÔI TỐT

I - Hỗ trợ xây dựng mô hình

Đối tượng áp dụng cho các cơ sở chăn nuôi: bò sữa; bò thịt; dê sữa; dê thịt; lợn; gà; ngan-vịt và ong

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Thiết bị, vật tư, chứng nhận thực hành chăn nuôi tốt (cho 01 cơ sở/hộ)					
1.1	***Thiết bị, vật tư***				Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
	Máy phun thuốc sát trùng	Máy	01	Máy phun đảm bảo tối thiểu các tiêu chí sau: - Công suất động cơ theo: ISO 7293 2,6KW (3,5 mã lực). - Tốc độ không tải: 2.800 vòng / phút. - Máy vận hành cơ động, thuận lợi cho việc phun khử trùng chuồng trại và khu vực xung quanh	
	Bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ lao động, ủng, găng tay, khẩu trang,...)	Bộ	03		
1.2	***Chứng nhận thực hành chăn nuôi tốt (cho 01cơ sở/hộ được công nhận)***				
	Chứng nhận thực hành chăn nuôi tốt	Lần	01	Chi phí chứng nhận thực hành chăn nuôi tốt theo thực tế và chế độ hiện hành	
2- Chi triển khai					
2.1	***Tập huấn kỹ thuật***				
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	***Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật***	Tổ HT/nhóm hộ/Người	01		
2.3	***Thời gian triển khai***	Tháng	06		
2.4	***Tổng kết***	Lần	01		

II – Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III – Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	02	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

41. ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ LIÊN KẾT SẢN XUẤT

I - Hỗ trợ xây dựng mô hình

Đối tượng áp dụng cho chuỗi: nhóm hộ, tổ hợp tác, hợp tác xã, hiệp hội nghề nghiệp

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
1- Hỗ trợ tư vấn xây dựng, thành lập chuỗi (cho 1 chuỗi)				
1	**Tư vấn xây dựng**			
	Ban vận động; Tuyên truyền, vận động xây dựng chuỗi	Lần	05	Nhóm hộ, tổ hợp tác, hợp tác xã, hiệp hội nghề nghiệp
2	**Thành lập chuỗi**			
	Kết nối các thành viên	Lần	05	Tổ chức các cuộc họp
	Thành lập HTX, THT… (liên kết ngang)	Lần	03	
	Thành lập chuỗi	Lần	01	
	Thống nhất nguyên tắc tổ chức, hoạt động, quyền, nghĩa vụ của các thành viên	Lần	02	
	Triển khai xúc tiến thương mại	Lần	05	
	Triển khai mở rộng thị trường	Lần	05	
2- Chi triển khai				
2.1	***Tập huấn kỹ thuật***			
	- Số lần	Lần	01	
	- Thời gian/lần	Ngày	01	
2.2	***Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật***	Chuỗi/Người	01	
2.3	***Thời gian triển khai***	Tháng	9	
2.4	***Tổng kết***	Lần	01	

II - Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III - Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt

42. ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ CAO

I - Xây dựng mô hình

Đối tượng áp dụng cho các trang trại chăn nuôi gia cầm, lợn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1- Thiết bị, vật tư (cho 1 trang trại chăn nuôi)					
1.1	***Chăn nuôi lợn***				Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
	Thiết bị làm mát chuồng	Bộ	01		
	Chuồng nuôi lợn nái chửa	Lồng/con	01		
	Chuồng nuôi lợn nái nuôi con	Lồng/con	01		
	Sàn nuôi lợn con sau cai sữa	m^2/con	0,6		
	Hệ thống máng ăn tự động	Bộ	02		
	Hệ thống máng uống tự động	Bộ	02		
1.2	***Chăn nuôi gia cầm***				
	Thiết bị làm mát chuồng	Bộ	01		
	Lồng tầng (nếu có)	Con/lồng		Theo thiết kế	
	Hệ thống máng ăn tự động	Bộ	02		
	Hệ thống máng uống tự động	Bộ	02		
	Hệ thống thu trứng	Bộ	02		
	Hệ thống tải phân	Bộ	02		
2- Chi triển khai					
2.1	***Tập huấn kỹ thuật***				
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2.2	***Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật***	Trang trại/Người	01-02		
2.3	***Thời gian triển khai***	Tháng	05		
2.4	***Tổng kết***	Lần	01		

II - Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	02	Đối tượng: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

III - Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài ...			Theo thuyết minh dự án được duyệt